

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2025/KDTM-ST**
Ngày: 06-8-2025
*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phương và ông Lê Viết Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Huế, thành phố Huế: Số 56 đường Lý Thánh Tông, xã Phú Lộc, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các bên đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T. Địa chỉ: Cụm Công nghiệp P, phường T, thành phố Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Cao N, sinh năm 1978. Chức vụ: Giám đốc Công ty. Địa chỉ: Số M đường T, phường C, thành phố Huế. Vắng mặt, đã ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước Thái B, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số A đường N, phường P, thành phố Huế. (Giấy ủy quyền ngày 04/8/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Địa chỉ: Lô M đường H, phường C, thành phố Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quang T, sinh năm 1973. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty. Mã số đăng ký doanh nghiệp: 3301561251 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Sở Tài chính thành phố Huế) cấp lần đầu ngày 20/01/2015, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/11/2022. Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2024, bản tự khai ngày 24/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 20/09/2021, giữa nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T (bên B) và bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) H (bên A) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 về việc mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm, đến ngày 28/10/2021 hai bên ký kết thêm Phụ lục hợp đồng số 01 về bổ sung đơn giá bê tông (gọi tắt là Hợp đồng), với nội dung như sau: Theo Hợp đồng nói trên thì Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đồng ý bán bê tông thương phẩm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H để thi công Công trình phức hợp T GD3, thuộc khu B - Khu đô thị mới D, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường D, thành phố Huế). Bên Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T phải cấp đúng chủng loại, tiêu chuẩn theo yêu cầu của bên Công ty trách nhiệm hữu hạn H và tiêu chuẩn chất lượng đăng ký của sản phẩm theo quy định kỹ thuật chung. Đơn giá là giá ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng trên cơ sở đơn giá tại Điều 2.1 của Hợp đồng. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn thanh toán: Bên B đổ bê tông theo từng đơn đặt hàng của bên A. Kết thúc mỗi đợt đổ, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và giá trị bê tông thực tế đã đổ. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ và giá trị cung cấp, bên B xuất hóa đơn tài chính gửi bên A và bên A thanh toán toàn bộ giá trị hóa đơn cho bên B khi có kết quả nén mẫu đạt chất lượng. Sau khi bên A không còn lấy hàng của bên B thì phải thanh toán hết 100% tiền hàng cho bên B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đã cung cấp hàng hóa theo đúng quy trình, đầy đủ số lượng, chất lượng theo hợp đồng và cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán đến Công ty trách nhiệm hữu hạn H, nhưng đến thời điểm hiện tại phía bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T nên nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn thanh toán tiền hàng còn nợ. Đến ngày 30/9/2024, hai bên ký kết biên bản đối chiếu công nợ, theo đó phía Công ty trách nhiệm hữu hạn H xác nhận còn chưa thanh toán cho Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T là 314.480.000 đồng, chưa tính lãi. Việc Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn. Do nhiều lần yêu cầu, Công ty trách nhiệm hữu hạn H không chịu thanh toán số tiền nợ nói trên, vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền, vì vậy Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền mua bán hàng hóa với số tiền nợ gốc là: 314.480.000 đồng. Về tiền lãi do quá hạn thanh toán thì tại Điều 5.2 của Hợp đồng số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 ngày 20/09/2021 mà hai bên có ký kết có quy định: *“Đến hạn hoặc quá thời hạn thanh toán theo trên mà bên A vẫn chưa thanh toán thì bên B có quyền ngừng cấp hàng mà không chịu trách nhiệm về tiến độ thi công của công trình, bên A phải chịu lãi suất quá hạn theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế tại thời điểm kể từ ngày trễ*

hạn”, căn cứ Giấy nhận nợ số 29 ngày 24/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế và Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T thì lãi suất trong hạn là 4,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và quy định của pháp luật thì tiền lãi tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 06/8/2025 là: 77.290.999 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 391.770.999 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T bổ sung yêu cầu khởi kiện về thời gian tính tiền lãi, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 314.480.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/8/2025) là 77.290.999 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 391.770.999 đồng. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/8/2025 cho Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng, tính trên số nợ thực tế cho đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ.

** Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai của Công ty trách nhiệm hữu hạn H trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng. Về người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự để xét xử theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T số tiền số tiền nợ gốc là 314.480.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/8/2025) là 77.290.999 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 391.770.999 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu thêm một khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 07/8/2025 trở đi cho đến khi thi hành xong, theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng kinh tế. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm giữa tổ chức với tổ chức có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Điều VII Hợp đồng Kinh tế số: 2009/HĐKT/TP-SM/2021 ngày 20/09/2021 quy định trong trường hợp các bên không giải quyết được tranh chấp thì sẽ được giải quyết tại Tòa án nơi bên bán (là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T) đặt trụ sở; do các bên đương sự lựa chọn Tòa án nơi Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T có trụ sở tại Cụm Công nghiệp P, phường T, thành phố Huế giải quyết tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế (trước đây là Tòa án nhân dân thị xã H), thành phố Huế theo quy định tại Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Công ty trách nhiệm hữu hạn H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Về phạm vi khởi kiện: Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/8/2025) là 77.290.999 đồng. Xét thấy việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 20/09/2021, Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T và Công ty trách nhiệm hữu hạn H có ký hợp đồng kinh tế số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 về việc mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm, đến ngày 28/10/2021 hai bên ký kết thêm Phụ lục hợp đồng số 01 về bổ sung đơn giá bê tông (gọi tắt là Hợp đồng). Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đã giao hàng đúng số lượng, chất lượng và tiến độ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Sau khi nhận hàng, Công ty trách nhiệm hữu hạn H không thanh toán đầy đủ tiền cho Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đúng hạn như thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2024 và Giấy đề nghị thanh toán ngày 02/10/2024, thì công nợ được hai bên xác nhận tính đến ngày 30/9/2024 Công ty trách nhiệm

hữu hạn H còn nợ Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T số tiền: 314.480.000 đồng. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn H chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T, mặc dù Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đã nhiều lần gửi biên bản đối chiếu công nợ và đề nghị thanh toán nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn H vẫn không thực hiện là vi phạm thỏa thuận tại Điều V, Điều VI của Hợp đồng kinh tế số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 ngày 20/09/2021 đã được hai bên ký kết. Chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là Hợp đồng kinh tế số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 ngày 20/09/2021 đã được hai bên ký kết; biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2024 và Giấy đề nghị thanh toán ngày 02/10/2024 giữa Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T và Công ty trách nhiệm hữu hạn H. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000537 ngày 18/11/2021 và 0000538 ngày 18/11/2021 do Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T bán hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Về phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H có địa chỉ theo Hợp đồng kinh tế mà hai bên ký kết là Lô B đường H, phường C, thành phố Huế nhưng hiện nay cố tình giấu địa chỉ mà không công bố công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Tại Văn bản cung cấp thông tin doanh nghiệp số 113/CV-ĐKKD ngày 28/02/2025, Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Huế (nay là Sở Tài chính thành phố Huế) cung cấp thông tin như sau: Công ty trách nhiệm hữu hạn H có mã số đăng ký doanh nghiệp: 3301561251 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Huế (nay là Sở Tài chính thành phố Huế) cấp lần đầu ngày 20/01/2015, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 (lần gần nhất) ngày 15/11/2022. Địa chỉ trụ sở chính: Lô B đường H, phường A, quận T thành phố Huế (nay là phường C, thành phố Huế); Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Quang T; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Tình trạng pháp lý (ghi nhận tại hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia): đang tạm ngừng hoạt động. Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty không thực hiện thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp.

Tại văn bản cung cấp thông tin số 937/CCTKV-KTr2 ngày 28/02/2025, Chi cục Thuế khu vực T - P cung cấp thông tin như sau: Công ty trách nhiệm hữu hạn H có Mã số thuế: 3301561251; Địa chỉ: Lô B đường H, quận T, thành phố Huế (nay là phường C, thành phố Huế). Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3301561251 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Huế (nay là Sở Tài chính thành phố Huế) cấp ngày 20/01/2015. Người đại diện theo pháp luật: Hà Quang T; Công ty trách nhiệm hữu hạn H đang tạm ngừng hoạt động kinh doanh có thời hạn (trạng thái hoạt động 05). Thời gian tạm ngừng hoạt động từ ngày 21/08/2024. Tính đến 31/01/2025: Doanh nghiệp đang còn nợ thuế của Nhà nước với tổng số tiền thuế nợ: 1.930.162.670 đồng. Doanh nghiệp đã bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, người đại diện theo pháp luật đã hoãn xuất cảnh theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán số tiền nợ gốc là 314.480.000 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 50 Luật Thương mại nên được chấp nhận. Về tiền lãi do quá hạn thanh toán thì tại Điều 5.2 của Hợp đồng số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 ngày 20/09/2021 mà hai bên có ký kết có quy định: *“Đến hạn hoặc quá thời hạn thanh toán theo trên mà bên A vẫn chưa thanh toán thì bên B có quyền ngừng cấp hàng mà không chịu trách nhiệm về tiến độ thi công của công trình, bên A phải chịu lãi suất quá hạn theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế tại thời điểm kể từ ngày trễ hạn”*, căn cứ Giấy nhận nợ số 29 ngày 24/01/2022 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế và Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T thì lãi suất trong hạn là 4,5%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, tức là 6,75%/năm, tương đương 0,0184%/ngày. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên về tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về thời gian tính lãi do quá hạn thanh toán thì vào ngày 18/11/2021, nguyên đơn đã bán bê tông thương phẩm cho bị đơn và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000537, theo quy định tại Điều 5.2 và Điều 6.1 của Hợp đồng số 2009/HĐKT/TP-SM/2021 ngày 20/09/2021 mà hai bên đã ký kết, thì sau thời hạn 28 ngày kể từ ngày bán hàng mà bị đơn không có ý kiến gì về chất lượng hàng hóa thì phải thanh toán cho bên nguyên đơn. Như vậy thời điểm mà bị đơn quá hạn thanh toán là ngày 16/12/2021. Do vậy, căn cứ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và quy định của pháp luật thì tiền lãi tính từ ngày 16/12/2021 đến ngày 06/8/2025 (1.232 ngày) là 77.290.999 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 391.770.999 đồng.

[3]. Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm theo loại có giá ngạch là 19.588.550 đồng (tức là: 391.770.999 đồng x 5% = 19.588.550 đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 9.369.727 đồng mà nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003862 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Thi hành án dân sự thành phố Huế).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 73, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm b khoản 2 Điều 06 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm b Điều 3

và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đối với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H;

Buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T số tiền nợ gốc là 314.480.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/8/2025) là 77.290.999 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 391.770.999 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận được quy định trong hợp đồng kinh tế.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn H phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 19.588.550 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 9.369.727 đồng mà nguyên đơn là Công ty cổ phần kinh doanh xây dựng T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003862 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Thi hành án dân sự thành phố Huế).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4- Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú